

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Tất

Ông Nguyễn Long Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 359/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; cư trú tại: xóm A, xã B huyện C, tỉnh Nam Định, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Hữu T, sinh năm 1981; cư trú tại: số 127, tổ 7, ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 11 năm 2020 và bản tự khai ngày 06 tháng 11 năm 2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn với anh Lê Hữu T tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang vào ngày 09 tháng 10 năm 2002 (Giấy chứng nhận kết hôn số 187, quyền số 01). Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Chị H

và anh T đã ly thân năm 2015 cho đến nay. Chị H nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị H yêu cầu được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: chị H và anh T có 02 con chung tên Lê Thị Cẩm Tú, sinh ngày 10 tháng 03 năm 2003 và Lê Đăng Khôi, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2011. Cháu Khôi hiện nay đang sinh sống cùng chị H. Khi ly hôn với anh T, chị H yêu cầu được nuôi cháu Khôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị H đồng ý giao cháu Tú cho anh T, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: chị H không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 09 tháng 11 năm 2020, Biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 12 năm 2020 và tại phiên tòa anh Lê Hữu T trình bày:

Về hôn nhân: anh T và chị H là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang vào ngày 09 tháng 10 năm 2002. Hôn nhân tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh T và chị H sinh sống tại ấp 4, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh sau đó chuyển về ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Bình Dương sinh sống. Năm 2012, anh T và chị H chuyển ra xóm A, xã B huyện C, tỉnh Nam Định để làm ăn sinh sống. Đến khoảng năm 2016, anh T vào Bình Dương làm ăn, còn chị H và các con vẫn sinh sống ở ngoài Bắc. Sau khi anh T đi làm ăn, chị H ở nhà ngoại tình với người khác. Việc anh T biết chị H ngoại tình là do bố mẹ ruột của chị H báo cho anh biết. Anh T cho rằng giữa anh và chị H không có bất kỳ mâu thuẫn gì xảy ra nhưng chị H đã nhất quyết ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: anh T và chị H có 02 con chung tên Lê Thị Cẩm Tú, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2003 và Lê Đăng Khôi, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2011. Hiện nay, cháu Khôi đang sinh sống với chị H, còn cháu Tú đang ở với anh T. Anh T yêu cầu được nuôi cháu Khôi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Lê Thị Cẩm Tú đã thành niên, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung và nợ chung: anh T không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng nguyên đơn được vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị H khởi kiện anh Lê Hữu T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh Lê Hữu T có nơi cư trú tại ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị H vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về hôn nhân: hôn nhân của chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ; chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Chị H và anh T đã ly thân năm 2015 cho đến nay. Do không còn tình cảm với anh T nên chị H yêu cầu được ly hôn. Anh T không đồng ý với lời trình bày của chị H anh T cho rằng giữa anh T và chị H không có mâu thuẫn gì nhưng nếu chị H đã cương quyết ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn.

Xét thấy, chị H và anh T là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh T cho rằng chị H ngoại tình nhưng đây chỉ là lời trình bày từ một phía của anh T, không có chứng cứ chứng minh. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, quyết định cho chị H và anh T ly hôn.

[3.2] Về nuôi con chung: chị H và anh T có hai con chung tên Lê Thị Cẩm Tú, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2003 và Lê Đăng Khôi, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2011. Chị H và anh T đều yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Đăng Khôi, không ai yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: hiện nay cháu Khôi đang học lớp 4 trường khu B, xã B huyện C, tỉnh Nam Định, đang sinh sống ổn định cùng chị H. Tại Bản tự khai ngày 10 tháng 11 năm 2020, nguyện vọng của cháu Khôi mong muốn được sinh sống cùng chị H. Do đó, việc giao cháu Khôi cho anh T sẽ ảnh hưởng đến môi trường học tập, sinh hoạt hàng ngày của cháu Khôi. Căn cứ vào nguyện vọng, quyền lợi về mọi mặt của cháu Khôi, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Khôi cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, anh T yêu cầu được nuôi cháu Khôi là không có cơ sở.

Con chung tên Lê Thị Cẩm Tú, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2003 đã thành niên chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: chị H và anh T không tranh chấp về chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[5] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hữu T.

Về nuôi con chung:

Con chung tên Lê Thị Cẩm Tú, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2003 đã thành niên nên chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Đăng Khôi, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2011. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hữu T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0039129 ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: bị đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- UBND TT. Vĩnh Bình, H. Gò Công Tây, T. Tiền Giang;
- Đường sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng